

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đồng

Ông Nguyễn Thanh Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Ngô Công P, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ả, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà Đ, ông P vắng mặt, ông bà có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Do không có khả năng hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Ngô Gia Huy, sinh ngày 20/6/2011 và Ngô Thị Tú Q, sinh ngày 01/12/2013. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Ngô Thị Tú Q. Bà đồng ý giao con chung tên Ngô Gia Huy cho ông P nuôi. Bà và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Vì bận đi làm xa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 12/7/2023, bị đơn ông Ngô Công P trình bày:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Gia Huy, sinh ngày 20/6/2011. Ông đồng ý giao con chung tên Ngô Thị Tú Q, sinh ngày 01/12/2013 cho bà Đ nuôi. Ông bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Do bận đi làm nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bà Đ thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, ông P thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Đ. Về con chung: Đề nghị giao con chung Ngô Thị Tú Q cho bà Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Ngô Gia Huy cho ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông P. Ông P có nơi cư trú tại xã M, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vì vậy xác định vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do bà Đ cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An chứng nhận kết hôn cho bà Đ và ông P vào ngày 13/4/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Đ trình bày, sau khi cưới nhau, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã sống riêng, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau từ tháng 6/2020 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho ông bà. Tuy nhiên, ông P không dự phiên hòa giải và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông, ông đồng ý xin ly hôn với bà Đ.

Theo biên bản xác minh ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre được biết bà Đ và ông P đã xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn chung sống với nhau.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà Đ và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà Đ.

[3] Về con chung: Ông bà thống nhất có 02 con chung Ngô Gia Huy, sinh ngày 20/6/2011 và Ngô Thị Tú Q, sinh ngày 01/12/2013, bà Đ trực tiếp nuôi cháu Q, ông P trực tiếp nuôi cháu Huy. Yêu cầu này của ông bà cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của ông bà. Ghi nhận ông bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ông bà đều thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Đ cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Ngô Công P.

[2] Về con chung:

- Giao con chung tên Ngô Thị Tú Q, sinh ngày 01/12/2013 cho bà Trần Thị Ngọc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao con chung tên Ngô Gia Huy, sinh ngày 20/6/2011 cho ông Ngô Công P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Ngô Công P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Ngô Công P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006027 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị Ngọc Đ đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Tuyên Bình, huyện Vĩ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan